

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2021/HS-ST

Ngày 12 - 8 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bắc Hải; Bà Vì Thị Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Lò Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 143/2021/TLST- HS ngày 16 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 226/2021/QĐXXST- HS ngày 28/7/2021 đối với:

Bị cáo: Quàng Thị P, sinh ngày 20 tháng 02 năm 1983, tại huyện S, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông Quàng Văn E (đã chết) và bà Quàng Thị Ph, sinh năm 1944; Chồng là Cà Văn N, sinh năm 1981 và có 02 người con; (con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2012); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, N vụ liên quan: Cà Văn N, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Nhân chứng: Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Xóm 6, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14^h ngày 19/4/2021, Quàng Thị P đang bán hàng tại quán cơm của gia đình tại bản C, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La thì có một người đàn ông không quen biết đi xe ô tô (không nhớ loại xe, biển kiểm soát) đến quán ăn cơm. Sau khi ăn cơm xong, người đàn ông nói với P có một người phụ nữ Việt Nam ở Lào bị bệnh đang muốn về Việt Nam chữa bệnh, do biên giới Việt Nam - Lào

đóng cửa vì dịch bệnh Covid 19 không về được. Người đàn ông đặt vấn đề nhờ P đi đón người phụ nữ từ khu vực biên giới thuộc bản Đán, xã Mường É, tỉnh Hòa Phấn, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (giáp bản C, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La) theo đường tiểu mạch nhập cảnh về Việt Nam. Người đàn ông hứa trả công cho P 1.000.000đ (một triệu đồng), P đồng ý. P và người đàn ông thống nhất 19^h30' ngày 20/4/2021 P sẽ đón người phụ nữ tại bờ ruộng lúa bản C, xã C, huyện S giáp bản Đán, xã Mường É, tỉnh Hòa Phấn (Lào). Đến giờ hẹn P điều khiển xe máy đến lán ao của gia đình P cất xe máy (cách quán ăn khoảng 500m), sau đó đi bộ khoảng 200m đến khu vực biên giới. Tại đây P gặp một người đàn ông dân tộc Lào và 01 người phụ nữ. Khi biết P là người đến đón người phụ nữ, người đàn ông Lào đã trả 1.000.000đ cho P. Trao đổi xong, P dẫn người phụ nữ tên Nguyễn Thị T đi bộ về lán ao của gia đình lấy xe máy, sau đó điều khiển xe chở T ra khu vực ngã ba đường quốc lộ 4G thuộc bản C, xã C, huyện S để đón xe khách về Nghệ An thì bị tổ công tác phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ: 02 tờ tiền mệnh giá 500.000đ (tổng cộng 1.000.000đ). Ngoài ra còn tạm giữ của Quàng Thị P 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung loại Galaxy J7 PRO; 01 xe máy nhãn hiệu Honda loại Vision, biển kiểm soát 26B2 - 661.79.

Ngày 28/4/2021, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Sơn La quyết định trưng cầu giám định đối với số tiền 1.000.000đ thu giữ trong vụ án.

Tại Kết luận giám định số: 886 ngày 28/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: “Số tiền VNĐ gửi giám định là tiền thật”.

Tại Cáo trạng số: 81/CTr-VKS-P1 ngày 13/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố Quàng Thị P về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Quàng Thị P khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Bị cáo không khai nội dung gì khác liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

- Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với Quàng Thị P như Cáo trạng và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Quàng Thị P phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép.

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 3, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Quàng Thị P từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng. Phạt bổ sung (phạt tiền) bị cáo Quàng Thị P từ 05 đến 10 triệu đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Sơn La đã trả lại cho anh Cà Văn N 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda loại Vision, biển kiểm soát 26B2 - 661.79.

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000đ.

Trả bị cáo Quàng Thị P 01 điện thoại di động.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Bị cáo Quàng Thị P nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được cải tạo tại địa P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công tỉnh Sơn La, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Ngày 20/4/2021 Quàng Thị P bị tổ công tác Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Sơn La phát hiện bắt quả tang khi đang có hành vi đưa Nguyễn Thị T từ khu vực biên giới nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào nhập cảnh trái phép vào nước Cộng hòa xã hội chủ N Việt Nam để nhận tiền công với số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng). Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ như sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 21^h 30' ngày 20/4/2021 tại bản C, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La đối với Quàng Thị P và Nguyễn Thị T cùng vật chứng thu giữ.

- Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan An ninh điều tra lập ngày 20/4/2021.

- Kết luận giám định số: 886 ngày 28/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: “Số tiền VNĐ gửi giám định là tiền thật”.

- Biên bản làm việc; Bản ảnh xác định hiện trường lập ngày 07/5/2021.

- Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của Nguyễn Thị T và phù hợp với các chứng cứ khác đã thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

Từ các chứng cứ chứng minh nêu trên, có đủ căn cứ kết luận: Quàng Thị P phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép quy định tại Điều 348 Bộ luật Hình sự.

[3] Về khung hình phạt:

Cáo trạng số: 81/CT-VKS-P1 ngày 13/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố Quàng Thị P về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người,

đúng tội, đúng pháp luật. Khung hình phạt có mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

[4] Về nhân T và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Nhân T*: Bị cáo có nhân T tốt, là nhân dân lao động, nhất thời phạm tội, chưa có tiền án, tiền sự.

- *Tình tiết tăng nặng*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- *Tình tiết giảm nhẹ*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bố chồng bị cáo là Cà Văn Luông, có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La tặng Bằng khen trong sự nghiệp xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Bị cáo Quàng Thị P là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, sinh sống tại khu vực biên giới, nhận thức được các quy định của pháp luật liên quan đến trình tự, thủ tục xuất, nhập cảnh khi qua lại biên giới. Tuy nhiên, vì động cơ vụ lợi, bị cáo Quàng Thị P đã thực hiện hành vi đưa Nguyễn Thị T (là người Việt Nam) từ khu vực biên giới nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào nhập cảnh trái phép vào nước Cộng hòa xã hội chủ N Việt Nam nhằm mục đích hưởng lợi số tiền công 1.000.000đ (một triệu đồng).

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh của nước Cộng hòa xã hội chủ N Việt Nam, do đó cần phải xử lý nghiêm minh. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo là do bị cáo sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng giáp biên giới Việt Nam - Lào, trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo có nhân T tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, là lao động chính trong gia đình; số tiền thu lợi bất chính không lớn; ngoài ra bị cáo có đơn xin cải tạo tại địa P và được chính quyền địa P xác nhận (Báo cáo về nhân T đối tượng Quàng Thị P của Công an xã C thì quá trình sinh sống tại địa P, Quàng Thị P luôn chấp hành tốt đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định, hương ước của địa P). Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, vì vậy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, việc cho bị cáo được hưởng án treo, tự cải tạo tại địa P cũng không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 348 Bộ luật hình sự “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 50.000.000đ,...*”. Quá trình điều tra và tại phiên

tòa xác định, bị cáo phạm tội vì mục đích vụ lợi, có khả năng thi hành hình phạt bổ sung nên cần chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa, phạt bị cáo Quàng Thị P một khoản tiền để nộp Ngân sách Nhà nước.

[7] Về những đối tượng liên quan đến vụ án:

Đối với Nguyễn Thị T, kết quả điều tra xác định: Hành vi nhập cảnh trái phép của Nguyễn Thị T là vi phạm lần đầu, chưa bị cơ quan chức năng xử lý về hành vi này, do đó hành vi của Nguyễn Thị T không cấu thành tội phạm “*Vi phạm quy định về xuất cảnh, nhập cảnh trái phép*”. Ngày 19/5/2021 Phòng Quản lý xuất, nhập cảnh Công an tỉnh Nghệ An đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 219/QĐXPVPHC đối với Nguyễn Thị T, mức phạt 4.000.000đ (bốn triệu đồng) về hành vi “*Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục nhập cảnh theo quy định*” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với người đàn ông đã đến quán cơm của gia đình Quàng Thị P đặt vấn đề thỏa thuận, hứa hẹn trả tiền công cho Quàng Thị P để đón người nhập cảnh trái phép từ Lào vào Việt Nam và người đàn ông Lào đã giúp dẫn đường Nguyễn Thị T đến gặp Quàng Thị P để nhập cảnh trái phép từ Lào vào Việt Nam. Quàng Thị P khai không biết tên, tuổi, địa chỉ, số điện thoại của những người này; việc thỏa thuận không có ai biết, chứng kiến; ngoài lời khai của Quàng Thị P không còn nguồn tài liệu, chứng cứ nào khác. Do vậy, Cơ quan An ninh điều tra không có căn cứ để xác minh, điều tra làm rõ nhân T, lý lịch và hành vi vi phạm của các đối tượng trên.

[8] Về xử lý vật chứng, tài sản:

Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda loại Vision, biển kiểm soát 26B2 - 661.79, thu giữ khi bắt quả tang Quàng Thị P. Quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra xác định là tài sản chung của vợ chồng, việc Quàng Thị P dùng chiếc xe máy trên để đón người nhập cảnh trái phép vào Việt Nam anh Cà Văn N (chồng bị cáo Quàng Thị P) không biết, anh Cà Văn N đã có đơn xin lại chiếc xe máy để phục vụ cho gia đình. Ngày 17/6/2021, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Sơn La đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại chiếc xe máy trên cho anh Cà Văn N là có căn cứ, cần chấp nhận.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, vỏ màu xám, thu giữ khi bắt quả tang Quàng Thị P. Xét thấy bị cáo Quàng Thị P không sử dụng chiếc điện thoại trên để thực hiện hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo.

Đối với số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) thu giữ khi bắt quả tang Quàng Thị P. Xác định là tiền bị cáo Quàng Thị P thu lợi bất chính từ việc đưa Nguyễn Thị T nhập cảnh trái phép từ Lào vào Việt Nam, do đó cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

[9] Về án phí: Bị cáo Quàng Thị P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Quàng Thị P phạm tội: Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép.

Xử phạt bị cáo Quàng Thị P 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/8/2021).

Giao bị cáo Quàng Thị P cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện S, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo Quàng Thị P thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm N vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 2 Điều 35; khoản 3 Điều 65; khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Phạt tiền bị cáo Quàng Thị P 5.000.000đ (năm triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) được đựng trong 01 phong bì vật chứng còn nguyên niêm phong.

- Trả lại cho bị cáo Quàng Thị P 01 (một) điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J7 PRO vỏ màu xám, có IMEI: 356446086676330 và 01 Sim Viettel, điện thoại đã qua sử dụng. Thu giữ của Quàng Thị P.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06 tháng 7 năm 2021 giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Sơn La và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Quàng Thị P phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo Quàng Thị P và người có quyền lợi, N vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/8/2021).

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Phòng PC04 - Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Phòng KTNV- THA;
- Lưu HS-AV

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Tuấn Minh